



## RESULTS FOR SEMESTER II SCHOOL YEAR 2015-2016

Class: **ELEMENTARY 1**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Phan Tam An	9.5	7.6	8.7	9.1			9.9		8.8	9.4			9.0	A
2	Banh Minh Anh	8.8	6.0	5.0	7.7			7.6		6.3	6.6			6.9	C
3	Tran Thuy Quynh Anh	9.0	5.8	7.3	7.9			8.8		7.3	8.8			7.8	C
4	Pham Nguyen Binh	7.9	6.0	4.2	5.9			5.5		5.6	5.5			5.8	D
5	Le Hoang Dung	7.6	4.1	3.6	5.1			5.3		6.7	5.6			5.4	D
6	Tran Nguyen Thuy Duong	9.6	8.5	8.9	8.8			9.3		9.3	9.1			9.1	A
7	Pham Minh Hoa	9.2	7.3	7.0	7.8			9.5		8.1	9.0			8.3	B
8	Huynh Gia Huy	9.0	8.3	5.8	8.3			9.0		5.4	7.7			7.6	C
9	Tran Quang Huy	8.8	6.3	6.4	6.4			6.2		6.7	6.1			6.7	C
10	Kim Van Khanh	9.4	8.5	8.9	9.1			9.7		8.4	9.6			9.1	A
11	Bao Quy Tay Khe	9.7	8.0	8.0	9.0			8.0		8.6	9.4			8.7	B
12	Nguyen Anh Khoa	9.2	8.6	8.2	8.6			9.7		7.1	7.5			8.4	B
13	Pham Hoang Bao Nhi	9.0	7.9	6.0	8.4			7.4		6.2	7.9			7.5	C
14	Nguyen Ngoc Minh Nhu	9.5	9.0	9.7	9.2			9.6		9.6	9.1			9.4	A
15	Nguyen Quoc Hoang Ninh	8.8	8.9	7.4	8.3			7.8		7.5	8.3			8.1	B
16	Nguyen Pham Thai Quoc	9.3	9.1	8.3	8.5			9.7		9.0	8.5			8.9	B
17	Huynh Nhat Son	8.8	7.8	7.5	8.8			8.4		8.8	7.9			8.3	B
18	Nguyen Le Hai Tan	7.8	6.6	6.1	6.4			7.3		5.6	5.9			6.5	C
19	Doan Nguyen Hai Thanh	9.8	7.9	8.9	8.8			9.2		8.8	8.8			8.9	B
20	Nguyen Quang Vinh	7.8	7.4	6.3	7.0			7.9		6.5	5.9			7.0	C

*Class Teacher*

*IP. Manager*

*Checked by*

Huynh Thi Nguyen Thao

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER II**  
**SCHOOL YEAR 2015-2016**

**Class: ELEMENTARY 2**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Truong Le Hoai An	9.0	7.2	8.4	8.6			7.9		7.0	8.5			8.1	B
2	Dao Quang Nam Anh	9.1	9.0	8.8	8.8			9.7		8.7	9.1			9.0	A
3	Nguyen Duc Anh	8.4	7.3	7.1	7.4			8.2		7.1	8.1			7.7	C
4	Nguyen Minh Anh	9.2	8.1	8.6	9.1			8.8		8.3	8.9			8.7	B
5	Pham Hong Duc	8.6	8.1	8.8	8.4			5.4		9.3	8.9			8.2	B
6	Nguyen Khanh Duyen	8.8	8.5	6.8	7.9			9.5		8.3	8.7			8.4	B
7	Nguyen Hoang Anh Huy	9.1	9.0	7.4	9.4			9.4		8.5	8.8			8.8	B
8	Nguyen Anh Khoa	9.2	9.0	8.1	9.3			9.6		8.9	9.8			9.1	A
9	Pham Dang Khoa	8.4	6.1	6.5	7.2			8.1		7.1	5.9			7.0	C
10	Mai Hoang Khoi	8.8	7.4	5.9	8.9			8.4		8.3	7.8			7.9	C
11	Pham Hong Lam	9.6	8.6	9.0	9.2			9.1		8.9	9.6			9.1	A
12	Luong Minh Luc	8.3	5.8	7.6	7.9			8.7		5.2	7.0			7.2	C
13	Nguyen Quoc Pho Nghi	8.8	7.4	8.1	9.0			9.7		8.6	9.6			8.7	B
14	Pham Binh Nguyen	7.8	6.9	5.4	6.2			6.2		6.2	6.6			6.5	C
15	Le Gia Phat	8.9	8.7	7.5	8.7			9.2		7.8	9.3			8.6	B
16	Do Toan Thang	8.3	7.8	5.5	7.8			7.9		5.5	5.6			6.9	C
17	Ngo Quang Vinh	7.3	4.2	4.8	5.2			6.4		4.8	5.3			5.4	D
18	Nguyen Khanh Van	9.3	7.7	6.3	7.9			8.4		6.2	7.7			7.6	C
19	Nguyen Doan Le Dung	9.5	8.5	8.5	9.2			9.6		9.4	9.8			9.2	A

*Class Teacher*

*IP. Manager*

*Checked by*

Nguyen Thi My Phuong

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER II**  
**SCHOOL YEAR 2015-2016**

Class: **ELEMENTARY 3**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Nguyen Thi Ai	8.9	7.6	8.2	8.6			10.0		8.6	9.5			8.8	B
2	Nghiem Minh Anh	9.3	8.4	9.3	9.1			9.5		7.2	6.9			8.5	B
3	Chang Rong Chuan	8.5	5.7	5.9	6.9			6.3		6.9	5.9			6.6	C
4	Huynh Ton Khang	9.1	7.5	7.1	8.8			7.1		8.6	7.8			8.0	B
5	Le Phuoc Thanh Long	8.2	6.2	4.8	7.5			7.4		7.6	8.5			7.2	C
6	Tran Kim Ly	9.4	8.2	7.8	8.2			8.5		7.5	6.2			8.0	B
7	Nguyen Ha Bao Ngoc	9.3	9.3	9.9	9.5			9.7		9.5	10.0			9.6	A
8	Nguyen Minh Nhat	8.7	6.7	5.1	7.0			8.8		7.2	7.8			7.3	C
9	Pham Thanh Phat	8.5	5.7	5.5	7.2			6.8		7.6	7.9			7.0	C
10	Truong Ai Phuong	8.7	6.0	5.3	6.4			6.0		5.4	5.2			6.1	D
11	Cao Minh Quan	9.4	8.8	9.2	9.5			9.6		9.2	9.5			9.3	A
12	Nguyen Dinh Nhat Quang	9.0	9.1	9.2	8.9			8.9		7.7	8.6			8.8	B
13	Vo Ngoc Thuy	9.4	9.2	9.7	9.8			9.8		9.4	9.9			9.6	A
14	Dinh Hoang Tram	9.3	6.4	9.0	7.8			8.0		6.6	7.0			7.7	C
15	Vo Thi Phuong Van	9.1	7.5	7.3	8.0			7.5		7.8	6.5			7.7	C
16	Truong Quang Vinh	8.8	7.3	6.9	8.1			8.1		7.6	7.4			7.7	C
17	Nguyen Nhat Phuong Vy	9.7	8.3	8.4	9.1			9.1		8.8	9.4			9.0	A
18	Tran Thao Vy	9.0	6.0	5.7	8.1			9.0		7.9	8.8			7.8	C
19	Vo Thuy Truc Vy	9.7	8.1	8.1	9.1			9.1		8.7	9.5			8.9	B
20	Tran Thien Y	9.6	7.3	8.5	8.8			9.5		9.0	9.8			8.9	B

*Class Teacher*

*IP. Manager*

**Checked by**

Nguyen Thi Ngoan

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER II**  
**SCHOOL YEAR 2015-2016**

**Class: ELEMENTARY 4**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Luc Gia Binh	9.9	9.8	8.8	9.7			10.0		7.8	10.0			9.4	A
2	Do Nguyen Linh Dan	9.2	8.1	9.1	8.5			9.4		4.9	8.4			8.2	B
3	Nguyen Phuoc Huy Hoang	8.6	6.7	7.0	8.1			8.8		8.0	8.7			8.0	B
4	Phan Minh Hoang	5.5	5.4	6.4	5.5			5.2		4.9	4.8			5.4	D
5	Pham Tam Khanh	10.0	8.6	9.2	8.4			8.9		8.5	9.5			9.0	A
6	Nguyen Hoan Phi Long	9.4	7.4	5.1	6.5			4.0		4.1	6.3			6.1	D
7	Dao Anh Minh	9.7	7.7	7.3	8.4			8.7		7.4	7.0			8.0	B
8	Nguyen Thanh Binh Minh	8.9	7.0	8.0	8.0			7.3		4.4	7.0			7.2	C
9	Tran Vu Hoang Minh	8.8	7.1	7.5	7.2			7.2		8.8	8.7			7.9	C
10	Nguyen Vo Thao My	9.1	8.6	8.9	8.7			9.6		9.3	8.9			9.0	A
11	Nguyen Ngoc Nam	9.4	8.2	8.3	9.1			7.8		8.2	5.0			8.0	B
12	Nguyen Song Uyen Nhi	9.6	8.4	7.4	8.3			9.6		7.9	9.6			8.7	B
13	Ho Tam Nhu	9.0	8.1	7.9	8.1			7.0		8.2	8.2			8.1	B
14	Le Tan Phat	8.6	7.0	7.6	7.4			7.1		5.1	6.9			7.1	C
15	Bui Tran Nam Phuong	8.4	4.7	4.9	5.7			4.8		2.4	4.0			5.0	D
16	Tran Van Chon Tam	9.5	6.8	7.6	8.6			9.3		7.3	7.9			8.1	B
17	Phan Nguyen Thuy Tien	8.6	8.1	7.3	7.8			7.8		6.8	7.7			7.7	C

*Class Teacher*

*IP. Manager*

*Checked by*

Pham Thi Giang

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung



## RESULTS FOR SEMESTER II SCHOOL YEAR 2015-2016

### Class: ELEMENTARY 5

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Bui Tran Trung Anh	9.2	8.2	7.4	8.2			8.6		6.8	6.8			7.9	C
2	Le Dao Tuyet Anh	8.6	6.0	6.4	8.0			8.0		7.5	7.3			7.4	C
3	Pham Phan Duc Anh	8.8	9.1	6.2	8.6			7.6		8.3	8.3			8.1	B
4	Huynh Thi Linh Chi	8.7	9.6	8.8	9.0			7.3		8.2	9.1			8.7	B
5	Pham Ngoc Khanh Dang	8.6	8.3	7.4	8.6			8.0		8.1	8.1			8.2	B
6	Lam Khai Duy	3.6	5.0	4.5	4.1			5.8		2.7	3.4			4.2	F
7	Le Huynh Bao Han	8.6	7.9	7.5	8.1			7.4		6.7	7.1			7.6	C
8	Nguyen Huynh Bao Khanh	8.4	8.0	7.8	8.8			7.3		8.3	9.0			8.2	B
9	Tran Ngoc Khanh	8.5	6.1	6.0	7.7			5.8		3.9	4.5			6.1	D
10	Nguyen Thi Hoang Kim	7.8	5.9	4.9	5.8			4.7		6.2	4.7			5.7	D
11	Nguyen Hoang Bao Long	9.4	9.4	9.4	9.4			9.3		8.3	9.2			9.2	A
12	Pham Ngoc Gia Minh	7.1	3.8	5.0	6.7			5.0		5.6	5.0			5.5	D
13	Le Tran Kim Ngan	7.3	5.7	5.5	5.6			7.7		3.9	6.1			6.0	D
14	Mahon Julie Huu Ngoc	7.7	6.3	5.9	6.7			5.0		3.4	4.3			5.6	D
15	Nguyen Ngoc Thao Nguyen	9.1	8.4	9.5	8.8			9.7		9.0	9.0			9.1	A
16	Tran Thanh Khoi Nguyen	8.4	8.5	6.6	8.4			6.8		6.0	5.8			7.2	C
17	Do Mai Khanh Nhi	8.1	6.7	5.2	6.3			3.9		3.1	3.9			5.3	D
18	Hoang Mai Phuong	8.8	5.2	5.6	7.7			7.3		4.7	6.3			6.5	C
19	Pham Huyen Nhu Phuong	6.8	4.2	3.7	5.1			4.4		3.9	4.1			4.6	F
20	Fei Stubbs	10.0	9.0	8.9	9.2			9.5		8.6	9.9			9.3	A
21	Ly Phung Thanh	8.9	7.7	8.3	8.8			9.0		9.2	8.8			8.7	B
22	Pham Nghiem Trac	9.2	8.6	7.9	8.6			8.9		8.6	8.3			8.6	B
23	Nguyen Le Do Nhan	8.0	6.1	6.2	7.2			7.1		5.8	6.4			6.7	C
24	Hoang Le Minh Thao	6.6	3.7	5.3	6.5			4.7		6.8	5.3			5.6	D
25	Banh Minh Tri	8.5	8.0	5.9	7.8			7.2		5.3	5.8			6.9	C

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Mai Thi Nga

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung